TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/DS-ST
Ngày: 09-4-2019
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Quốc Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phạm Ngọc Nguyên

2/ Bà Đoàn Kim Thạnh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Bé Thu – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Phú Hữu – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2016/TLST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng vay" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2019/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2019/QĐST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ông Nguyễn Viết T**, sinh năm 1986

Địa chỉ: khóm L, phường B, thành phố X, tỉnh An Giang.

Bị đơn: **Ông Nguyễn Minh N**, sinh năm 1986

Địa chỉ: khóm K, phường B, thành phố X, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn tham gia; bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Viết T *trình bày:*

Xuất phát từ mối quan hệ bạn bè nên ông T cho ông Nguyễn Minh N vay số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) theo biên nhận ngày 28/3/2017, lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay đến ngày 20/4/2017, đến hạn ông N chỉ trả vốn được

18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng), còn lại 62.000.000 đồng (sáu mươi hai triệu đồng) vốn không thanh toán cũng như tiền lãi.

Quá trình giải quyết vụ án ông T yêu cầu trả vốn 62.000.000 đồng (sáu mươi hai triệu đồng) và lãi phát sinh. Tại phiên tòa ông chỉ yêu cầu trả vốn, rút lại yêu cầu trả lãi.

Bị đơn ông Nguyễn Minh N vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X phát biểu:

Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án phù hợp quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền vốn 62.000.000 đồng (sáu mươi hai triệu đồng), đình chỉ đối với việc ông T rút lại yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố X theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS sửa đổi, bổ sung năm 2011.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông N vắng mặt. Ông N đã từ bỏ quyền cũng như không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông N.

Quá trình tố tụng ông T yêu cầu ông N trả lãi trên số tiền vốn chậm thanh toán, tại phiên tòa rút lại không yêu cầu trả lãi nên được đình chỉ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Ông T và ông N xác lập hợp đồng vay theo biên nhận ngày 28/3/2017 với thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay đến ngày 20/4/2017. Hợp đồng vay phù hợp theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự, ông N vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự nên yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của ông T được chấp nhận, nên được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông N có nghĩa vụ nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 217; Điều 227; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự;

- Khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Viết T: Buộc ông Nguyễn Minh N có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Viết T số tiền 62.000.000 đồng (sáu mươi hai triệu đồng).

[2] Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Viết T về việc yêu cầu ông Nguyễn Minh N có trách nhiệm trả lãi.

[3**]** Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Viết T được nhận lại 1.858.000đồng (*Một triệu tám trăm năm mươi tám nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008497 ngày 26 tháng 6 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố X.

Ông N phải có nghĩa vụ nộp 3.100.000 đồng (*Ba triệu một trăm nghìn đồng*).

[4] Về quyền kháng cáo:

Ông N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Ông T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc khoản tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi

hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(*Đã giải thích điều 26 Luật thi hành án*)

Nơi nhận:
- Các đương sự "Để thi hành";
- VKSND – TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS TPLX;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Quốc Việt